

CHUYỂN ĐỔI XANH TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN GIA THỌ

Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường

Chuyển đổi xanh là một phương thức phát triển kinh tế quan tâm đến vấn đề môi trường và tài nguyên đang ngày càng cạn kiệt. Việt Nam có thể học tập kinh nghiệm các nước đã thành công về kinh tế xanh, đồng thời kết hợp linh hoạt các bài học này trong xây dựng chính sách phát triển cơ cấu ngành, nghề và điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình chính trị, xã hội, vị trí địa lý và nền văn hóa của đất nước. Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt và suy thoái môi trường đã trở thành những thách thức nghiêm trọng đối với sự phát triển bền vững của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Thời gian qua, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề về ô nhiễm môi trường. Bên cạnh thiên tai, biến đổi khí hậu thì tình hình dịch bệnh (cúm gia cầm, Covid-19...) đã tác động rất lớn đến kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh là lựa chọn đúng đắn và lâu dài.

1. Đặt vấn đề

Trước diễn biến ngày càng phức tạp và được dự báo tăng nhanh trong tương lai của biến đổi khí hậu, cùng với nguồn tài nguyên thiên nhiên bị phá hoại nghiêm trọng, kéo theo các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, thì việc lồng ghép mục tiêu tăng trưởng xanh vào phát triển kinh tế là điều hết sức cần thiết ở mỗi quốc gia. Nền kinh tế xanh sẽ là một hướng đi mới cho nền kinh tế trong tương lai. Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) đã tuyên bố rằng, nền kinh tế xanh tạo ra việc làm và tăng cường công bằng xã hội (UNEP, 2011), qua đó cho thấy tác động tích cực của nền kinh tế xanh đối với thị trường lao động. Tổ chức Lao động Quốc tế cũng tin rằng, nền kinh tế xanh có thể tạo ra hàng triệu cơ hội việc làm cho người lao động (Ge & Zhi, 2016).

Việc hiện đại hóa nền kinh tế cổ điển sang nền kinh tế cách mạng công nghiệp mới đã trở thành quá trình chuyển đổi có chất lượng. Các nước phát triển xác định quá trình chuyển đổi xanh là sự gia tăng nơi làm việc và phát triển thị trường hàng hóa. Trong khi đó, các nước đang phát triển tập trung vào giải pháp cho các vấn đề liên quan đến nghèo đói và lập kế hoạch phát triển bền vững. Nhóm quốc gia BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi) đã chọn chiến lược sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Tại Việt Nam, vấn đề chuyển đổi xanh và phát triển bền vững được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm trong thời gian qua. Quá trình thực hiện phát triển chuyển đổi xanh ở Việt Nam luôn nhận được nhiều sự quan tâm giúp đỡ và hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, cộng đồng trên thế giới. Cùng với đó, Việt Nam thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào chuyển đổi xanh, đặc biệt là phát triển công nghiệp xanh, năng lượng xanh.

Bên cạnh đó, quá trình xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức và tồn tại một số hạn chế: Nguồn vốn, sự bất ổn của thị trường, cơ chế chính sách, nguồn nhân lực chất lượng cao,... Chính vì vậy, bài viết sẽ hệ thống hóa kinh nghiệm chuyển đổi xanh ở một số quốc gia trên thế giới. Qua đó, đưa ra một số bài học kinh nghiệm cho mục tiêu chuyển đổi xanh ở Việt Nam.

2. Chuyển đổi xanh và thực trạng chuyển đổi xanh trên thế giới

“Chuyển đổi xanh” hiện là cụm từ khá phổ biến. Chuyển đổi xanh là trọng tâm của các cuộc tranh luận tại Hội nghị thượng đỉnh. Theo Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), chuyển đổi xanh là tạo ra sự cải thiện phúc lợi của con người và công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu rủi ro môi trường và hủy hoại sinh thái. Nó liên quan đến các hoạt động và phương thức tiêu dùng gây ra tác động xấu cho môi trường và nguy hại đến cuộc sống con người. Chuyển đổi xanh có thể được định nghĩa là chuyển đổi có các đặc điểm: Tỷ lệ phát thải các-bon thấp, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. BVMT, quản lý tài nguyên thiên nhiên (tài nguyên nước, kiểm soát năng lượng tái tạo) là những hoạt động chính của chuyển đổi xanh. Trong chuyển đổi xanh tăng trưởng doanh thu và tạo việc làm được thúc đẩy bởi các khoản đầu tư công và tư với đặc điểm là sử dụng tốt hơn các nguồn tài nguyên, chống biến đổi khí hậu, giảm phát thải các-bon, chất thải và ô nhiễm, ngăn ngừa mất đa dạng sinh học và suy thoái hệ sinh thái. Công nghệ xanh và các ngành công nghiệp là động cơ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia về chuyển đổi xanh.

Các nhà hoạch định chính sách quốc tế thường coi “chuyển đổi xanh”, thúc đẩy hiệu quả năng lượng và công nghệ sạch và phát triển bền vững là các mục tiêu



bổ sung. Do đó, việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển các công nghệ sạch sẽ là phương tiện để đạt được “chuyển đổi xanh” và cuối cùng là phát triển bền vững. Tuy nhiên, hiệu quả của các chính sách này được đánh giá rất phức tạp.

Giao thông vận tải là một trong những hoạt động chủ yếu phát thải khí nhà kính lớn thứ 3 sau ngành năng lượng và nông nghiệp, chiếm 18,38% tổng lượng khí nhà kính thải vào bầu khí quyển hằng năm. Theo số liệu thống kê, năm 2020, lượng CO₂ phát thải trong ngành giao thông vận tải ước khoảng 47.680 nghìn tấn. Tuy nhiên, dự báo đến năm 2025 và 2030, con số này tăng xấp xỉ 2-2,5 lần, đạt lần lượt 65.138 nghìn tấn và 89.119 nghìn tấn.

Bộ phận Nghiên cứu Toàn cầu của HSBC dự đoán rằng thị trường năng lượng sạch toàn cầu và cơ hội đầu tư sử dụng năng lượng hiệu quả sẽ tăng gấp ba lần lên 2,2 tỷ USD vào năm 2022. Sự mở rộng này chủ yếu sẽ hiện thực hóa thông qua việc tiếp thị các phương tiện các-bon thấp, chẳng hạn như ô tô hybrid hoặc ô tô chạy hoàn toàn bằng điện, thông qua sự tăng trưởng của thị trường năng lượng sạch ở Trung Quốc và thông qua nhu cầu đáng kể về thiết bị áp dụng các công nghệ xanh mới.

Mặc dù việc mở rộng nhanh chóng các thị trường cho năng lượng sạch và hàng hóa tiết kiệm năng lượng có thể đóng một vai trò thực sự thúc đẩy quá trình tăng trưởng xanh toàn cầu, nhưng điều này vẫn chưa đảm bảo rằng thế giới sẽ đạt được sự phát triển kinh tế bền vững theo cách này. Tăng trưởng xanh sẽ không đảm bảo cho sự phát triển bền vững chừng nào sự suy thoái của hệ sinh thái toàn cầu đi kèm với sự gia tăng các vấn đề khan hiếm sinh thái.

Thứ nhất, có thách thức về tính bền vững. Từ quan điểm kinh tế, khan hiếm sinh thái được định nghĩa là sự mất đi một số lượng lớn các lợi ích, hay “dịch vụ” mà các hệ sinh thái cung cấp do con người khai thác chúng. Sự khan hiếm sinh thái phát sinh từ sự đánh đổi cơ bản trong việc sử dụng môi trường tự nhiên của chúng ta. Chuyển đổi xanh tạo ra những lợi ích đáng kể cho nhân loại, nhưng kết quả của sự phát triển này đã làm thay đổi sâu sắc các hệ sinh thái chính của trái đất và do đó làm thay đổi những lợi ích mà chúng mang lại. Phát triển kinh tế phải tính đến sự khan hiếm sinh thái ngày càng tăng là một thách thức lớn nếu chúng ta muốn đạt sự phát triển này theo con đường bền vững.

Thứ hai, thách thức khác đó là kinh phí. Vẫn còn một khoảng cách rất lớn giữa lợi ích tổng thể mà nhân loại nhận được từ các hệ sinh thái mà họ sử dụng và những gì chúng ta sẵn sàng trả để duy trì và bảo tồn chúng. Ước tính rằng lợi ích tạo ra từ việc sử dụng các hệ sinh thái có thể lên tới hàng trăm tỷ USD. Tuy nhiên, ngày nay, thế giới chi khoảng 10 tỷ USD mỗi năm cho việc bảo tồn các hệ sinh thái này. Hơn nữa, mặc dù các khu bảo tồn trên khắp thế giới tiếp tục phát triển, nhưng bị thiếu hụt

nghiêm trọng ở hầu hết mọi nơi và đặc biệt là ở châu Phi, châu Mỹ Latinh, Bắc Phi, Trung Đông và châu Á.

Khắc phục khoảng cách tài chính này là điều cần thiết, những lợi ích chúng ta được hưởng từ tự nhiên tỷ lệ nghịch với sự suy giảm của các hệ sinh thái toàn cầu. Nhưng cho đến nay, một số động lực kinh tế tiêu cực đã ngăn cản sự thành công của quốc tế nhằm ngăn chặn sự mất đa dạng sinh học và sự suy thoái của các hệ sinh thái toàn cầu.

Các lập trường ủng hộ đồng tình và không đồng tình với sự phát triển xanh bên không dễ dàng dung hòa. Tuy nhiên, các nhà kinh tế của cả 2 trường phái đều đồng ý rằng lợi ích do thiên nhiên mang lại là rất lớn và có nguy cơ cạn kiệt. Theo giải thích của Dasgupta (TS. Susmita Dasgupta - chuyên gia cao cấp về kinh tế môi trường, Ngân hàng Thế giới, 2008, trang 3), “Hệ sinh thái là tài sản vốn. Giống như tài sản vốn có thể tái sản xuất (đường xá, tòa nhà và máy móc), hệ sinh thái sẽ mất giá nếu chúng bị sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng quá mức. Nhưng chúng khác với tài sản vốn có khả năng tái sản xuất ở 3 điểm: Một là, khấu hao vốn tự nhiên thường không thể thay đổi được (hoặc tốt nhất là các hệ thống mất nhiều thời gian để phục hồi); Hai là, ngoại trừ trong một ý nghĩa rất hạn chế, điều đó là không thể để thay thế một hệ sinh thái đã cạn kiệt hoặc suy thoái bằng một hệ sinh thái mới. Ba là, các hệ sinh thái có thể sụp đổ đột ngột mà không có nhiều cảnh báo trước.

Sự khan hiếm sinh thái ngày càng tăng là một dấu hiệu cho thấy chúng ta đang làm cạn kiệt các hệ sinh thái một cách không thể phục hồi và quá nhanh chóng. Do đó, có thể là một dấu hiệu cho thấy sự phát triển hiện nay của nền kinh tế thế giới là không bền vững: Một nguồn vốn tự nhiên quan trọng, cần được giữ nguyên vẹn, đang bị suy thoái không thể phục hồi, gây nguy cơ cho hiện tại và các thế hệ tương lai.

Không những các nhà hoạch định chính sách công mà cả cộng đồng doanh nghiệp quốc tế thấy rằng giữa chính phủ và các doanh nghiệp phải có sự hợp tác để cải thiện môi trường, thế giới sẽ có cơ hội đối phó kịp thời với mối đe dọa mà sự khan hiếm sinh thái ngày càng tăng gây áp lực lên sự bền vững của nền kinh tế.

Các doanh nghiệp châu Âu nhập khẩu khí đốt của Nga đang tìm kiếm các nguồn cung nhiên liệu thay thế và thậm chí còn cân nhắc quay trở lại sử dụng than đá để bù đắp nguồn khí đốt thâm hụt từ Nga, trong bối cảnh lo ngại nguy cơ xảy ra một cuộc khủng hoảng năng lượng vào mùa đông nếu các kho không được trữ đầy.

3. Thực trạng chuyển đổi xanh tại Việt Nam hiện nay

“Chuyển đổi xanh” đã trở thành xu thế tất yếu, là một hướng tiếp cận mới trong tăng trưởng kinh tế nhằm đạt được thịnh vượng toàn diện cho các quốc gia. Trong hơn 2 thập kỷ qua, Việt Nam phải chịu tác động nặng nề của

biến đổi khí hậu, suy thoái đất canh tác, bão lũ và một trong những nguyên nhân căn bản đó đến từ thực trạng tỷ lệ rừng suy giảm.

Trong bối cảnh đó, Tết trồng cây - một truyền thống đẹp lại được “khởi động” bằng sáng kiến trồng 1 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ, đã đề ra mục tiêu trồng mới 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025. Riêng năm 2021, chỉ tiêu trồng cây xanh cao hơn 1,5 lần và từ năm 2022 đến năm 2025, cao gấp 2 lần so với kết quả thực hiện năm 2020.

Trên thực tế, Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động liên quan đến sản xuất và tiêu dùng bền vững, trong đó tiêu dùng xanh ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Nhiều văn bản liên quan đã được ký kết như: Tuyên ngôn quốc tế và Kế hoạch hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững (1999), các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; Tuyên ngôn quốc tế về sản xuất sạch hơn (1999).

Các chương trình liên quan đến sản phẩm xanh như chương trình cấp nhân sinh thái, nhân tiết kiệm năng lượng, nhân sinh thái cho ngành Du lịch cũng được triển khai. Đặc biệt là, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các chính sách liên quan đến tiêu dùng xanh ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

Định hướng và mục tiêu xanh hóa nền kinh tế được thể hiện chi tiết tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Đây là chiến lược quốc gia đầu tiên, toàn diện về lĩnh vực phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam.

Do có chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam duy trì ở mức trung bình khoảng 5,95%/năm trong giai đoạn từ năm 2012 - 2020.

Việt Nam đang tiếp tục đà đổi mới, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, để cao chất lượng và hiệu quả, đồng thời nỗ lực hết sức mình để phục hồi hậu Covid-19. Nhờ có nền tảng vững chắc, nền kinh tế Việt Nam đã thể hiện sức chống chịu đáng kể trong những giai đoạn khủng hoảng.

4. Chuyển đổi xanh ở một số quốc gia trên thế giới

4.1. Brazil

Tỷ lệ nghèo ở Brazil giảm từ 20,9% năm 2016 xuống 18,4% năm 2020, trái ngược với mức trung bình của Mỹ Latinh và Caribe (LAC) tăng nhẹ từ 25,9% lên 26,3% trong cùng kỳ. Xu hướng của Brazil có thể được giải thích bằng sự hỗ trợ tài chính rộng rãi (với chuyển tiền mặt và các gói thuế) trong năm 2020 để giảm bớt tác động kinh tế của đại dịch COVID-19. Tỷ lệ nghèo cùng

cực đã giảm trong giai đoạn đó, từ 5,3% xuống 5,1% và vẫn ở dưới mức trung bình của LAC (8,7%). Dân số sống trong các hộ gia đình hoàn toàn phi chính thức giảm từ 37,7% năm 2009 xuống 29,7% năm 2018, so với mức trung bình của LAC là 36,3% năm 2018. Về các chỉ số môi trường, năm 2019, tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) bình quân đầu người là 5,0 tấn. Lượng carbon dioxide tương đương ($t CO_{2e}$), thấp hơn mức trung bình của LAC (6,3) và của các quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) (9,1). Năm đó, tỷ lệ dân số tiếp xúc với mức độ ô nhiễm không khí gây rủi ro cho sức khỏe con người ($PM_{2,5}$ ở mức hơn $10 \mu g/m^3$) là 81,7%, thấp hơn 95,4% đối với LAC và cao hơn 61,0% đối với OECD. Các khu bảo tồn biển chiếm 26,8% lãnh hải của Brazil vào năm 2021, so với 7,3% của LAC và 18,6% của OECD. Về mặt tài chính, doanh thu thuế liên quan đến môi trường là 0,7% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2020, thấp hơn LAC (1,0%) và OECD (2,1%). Tổng doanh thu thuế tính theo phần trăm GDP (31,6%) vẫn cao hơn mức trung bình của LAC (21,9%), nhưng thấp hơn OECD (33,5%).

Chính sách phát triển dài hạn cho quá trình chuyển đổi xanh Brazil đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh vì đây là nơi có khoảng 60% diện tích rừng nhiệt đới trên thế giới. Hai trong số các chính sách bền vững quan trọng của đất nước là Chính sách quốc gia về biến đổi khí hậu (2009), hiện đang được cập nhật và Chương trình quốc gia về tăng trưởng xanh, nhằm thúc đẩy việc làm xanh. Các hành động giảm nhẹ của Brazil được xây dựng dựa trên các kế hoạch ngành quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng và bảo vệ rừng. Để ghi lại sự bù đắp và trao đổi lượng phát thải khí nhà kính, Hệ thống quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính (SINARE) đã được thành lập vào năm 2022. Brazil đã đưa ra Kế hoạch quốc gia cập nhật về thích ứng và phát thải các-bon thấp trong nông nghiệp (ABC+ 2020-2030), nhằm thúc đẩy các phương pháp mới công nghệ và thực hành bền vững trong hệ thống nông nghiệp. Ngoài ra, Chương trình Đầu vào sinh học Quốc gia (2020) thúc đẩy việc sử dụng các sản phẩm dựa trên sinh học trong nông nghiệp. Về năng lượng, Kế hoạch Năng lượng Quốc gia 2050 nhấn mạnh vào việc mở rộng công suất thủy điện và bao gồm các hành động liên quan đến lĩnh vực dầu khí. Brazil cũng áp dụng cách tiếp cận theo ngành để thích ứng, được hướng dẫn bởi Kế hoạch thích ứng quốc gia với biến đổi khí hậu (2016), trong đó xác định các lĩnh vực ưu tiên.

Quan hệ đối tác quốc tế của Brazil tập trung chủ yếu vào bảo tồn rừng. Trong LAC, Brazil tham gia trong Tổ chức Hiệp ước Hợp tác Amazon (1995), tổ chức đã đưa ra chương trình quản lý nước tổng hợp ở lưu vực sông Amazon. Năm 2020, Brazil tham gia chương trình TerrAmazon với các nước Amazon để theo dõi nạn phá rừng và thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp bền vững,



với sự tài trợ của Cơ quan phát triển Pháp (AFD). Ngoài khu vực, Quan hệ đối tác bảo tồn đa dạng sinh học Amazon và Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua Nền tảng Đối tác cho Amazon. Ngân hàng Phát triển Minas Gerais (DBMG), hợp tác với Ngân hàng Đầu tư châu Âu (EIB), tài trợ cho một loạt các hành động về khí hậu và các dự án năng lượng tái tạo. Liên quan đến tài chính xanh, Brazil đã thành lập Quỹ Quốc gia về Biến đổi Khí hậu (2009) và Quỹ Amazon (2008) để cung cấp kinh phí cho chiến lược REDD+ (Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng) của Brazil được thông qua vào năm 2016. Ngân hàng phát triển quốc gia về kinh tế và môi trường của Brazil Cơ quan phát triển xã hội (BNDES) hợp tác với Sáng kiến Trái phiếu khí hậu để thu hút đầu tư quốc tế cho các dự án bền vững và cải thiện các chỉ số về môi trường, xã hội và quản trị ngân hàng. BNDES là ngân hàng Brazil đầu tiên phát hành trái phiếu xanh trên thị trường vốn quốc tế vào năm 2017 và là ngân hàng đầu tiên phát hành tín phiếu tài chính xanh vào năm 2020 tại thị trường nội địa. Vào năm 2021, BNDES đã đưa ra Khung trái phiếu bền vững và tạo ra Hệ thống phân loại bền vững của riêng mình. Giá trị của thị trường trái phiếu bền vững Brazil đã tăng 177% từ năm 2020 đến năm 2021. Thị trường các-bon tự nguyện của Brazil dự kiến sẽ tăng nhanh nhờ SINARE, nơi cung cấp cơ sở hạ tầng thị trường và Chính sách thanh toán quốc gia cho các dịch vụ môi trường (2021), khuyến khích công dụng của nó.

4.2. Argentina

Tỷ lệ nghèo ở khu vực thành thị ở Argentina đã tăng từ 21,5% năm 2016 lên 34,4% vào năm 2020, vượt qua mức trung bình 26,3% của khu vực Mỹ Latinh và Caribe (LAC), một phần do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tỷ lệ nghèo cùng cực ở khu vực thành thị cũng tăng trong giai đoạn đó từ 2,9% lên 6,3% nhưng vẫn dưới mức trung bình của LAC (8,7%). Bất bình đẳng vẫn tương đối ổn định. Chỉ số Gini tăng từ 42,0 năm 2016 lên 42,3 vào năm 2020, vẫn ở dưới mức trung bình LAC (45,3). Về các chỉ số môi trường, năm 2019, lượng phát thải khí nhà kính (GHG) bình quân đầu người là 8,2 tấn các-bon dioxide tương đương ($t\text{CO}_2e$), cao hơn mức trung bình của LAC (6,3) và thấp hơn một chút so với các nước thuộc Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD) (9,1). Năm đó, tỷ lệ dân số tiếp xúc với mức độ ô nhiễm không khí gây rủi ro cho sức khỏe con người ($PM_{2.5}$ ở mức hơn $10\ \mu\text{g}/\text{m}^3$) là 98,5%, cao hơn 95,4% đối với LAC và 61,0% đối với OECD. Khu bảo tồn biển của Argentina chiếm 11,8% lãnh hải của nước này vào năm 2021, so với 7,3% của LAC và 18,6% của OECD. Về mặt tài chính, doanh thu thuế liên quan đến môi trường là 1,8% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) vào năm 2020, cao hơn LAC (1,0%) và thấp hơn OECD (2,1%). Tổng doanh thu thuế tính theo phần trăm GDP (29,4%) vẫn cao hơn

mức trung bình của LAC (21,9%) nhưng thấp hơn mức trung bình của OECD (33,5%).

Chính sách phát triển dài hạn cho quá trình chuyển đổi xanh

Theo Luật Môi trường chung năm 2002, Argentina đã phê chuẩn các luật về quản lý chất thải (Luật số 25916 năm 2004), quản lý nước (Luật số 25688 năm 2002), bảo vệ rừng (Luật số 26331 năm 2007) và sông băng (Luật số 26331 năm 2007). 26639 năm 2010). Năm 2019, Argentina đã thúc đẩy Luật Tiêu chuẩn tối thiểu để thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu toàn cầu và thành lập Nội các quốc gia về biến đổi khí hậu để xây dựng Kế hoạch ứng phó quốc gia.

Về mặt giảm nhẹ, Kế hoạch hành động quốc gia về năng lượng và biến đổi khí hậu thúc đẩy nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo và hiệu quả sử dụng năng lượng để giảm phát thải khí nhà kính trong ngành năng lượng. Ngoài ra, Argentina cam kết giảm nạn phá rừng và suy thoái rừng thông qua chiến lược REDD+ (Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng). Kế hoạch di chuyển bền vững quốc gia đặt ra mục tiêu cho đội phương tiện bền vững và mạng lưới sạc điện. Nghị quyết cấp bộ 266/2022 đã tạo ra Chương trình Movilidad Integral no motorizada để thực hiện các chính sách di chuyển bền vững. Các chính sách thích ứng bao gồm Kế hoạch GIRSU nhằm cải thiện việc xử lý chất thải rắn đô thị. Kế hoạch liên bang Casa Común thúc đẩy các dự án xanh có tác động xã hội. Để thực hiện quá trình chuyển đổi xanh mang tính toàn diện về mặt xã hội, chương trình Potenciar Empleo Verde hỗ trợ các tác nhân kinh tế bền vững tạo ra việc làm bền vững. Về quan hệ đối tác quốc tế trong khu vực, Argentina đã phê chuẩn Thỏa thuận Escasú vào năm 2021 nhằm tăng cường sự tham gia của công chúng vào việc ra quyết định và tiếp cận công lý trong các vấn đề môi trường. Thông qua MERCOSUR, công ty điều phối các chính sách môi trường và tham gia vào dự án với Viện Đo lường Quốc gia Đức để phát triển các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng cho các thiết bị gia dụng. Argentina đang hợp tác với 13 quốc gia Iberoamerican trong dự án H2Transel để phát triển sản xuất hydro.

Ngoài LAC, Argentina đang hợp tác với EUROCLIMA+ về quản lý rừng, di chuyển bằng điện và hiệu quả năng lượng. Argentina là một phần của Đối tác hành động vì nền kinh tế xanh nhằm hỗ trợ các nỗ lực quốc gia trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Được đồng tài trợ với Quỹ khí hậu xanh (GCF), quốc gia này đang tăng cường đầu tư của các doanh nghiệp vừa và nhỏ vào năng lượng tái tạo và hiệu quả sử dụng năng lượng. Về tài chính xanh, Bộ Kinh tế đang xây dựng lộ trình phát hành tài chính xanh có chủ quyền, trái phiếu xã hội và bền vững (GSS). Năm 2019, Ủy ban Chứng khoán Quốc gia đã trình bày hướng dẫn phát hành Chứng khoán có thể bán trên thị trường GSS

và xây dựng Chương trình tài chính bền vững. Nó cũng phê duyệt cơ chế đặc biệt cho các sản phẩm đầu tư tập thể bền vững (Nghị quyết chung số 885 năm 2021), ba văn bản hướng dẫn, tư vấn và giáo dục về tài chính bền vững (Nghị quyết chung số 896 năm 2021) và cơ chế đơn giản hóa việc cấp chứng chỉ xã hội, trái phiếu tác động (Nghị quyết chung số 940 năm 2022). Ngân hàng Quốc gia Argentina đang phát triển các dòng tài chính bền vững đầu tiên và Ngân hàng Trung ương gần đây đã trở thành thành viên chính thức của Mạng lưới xanh hóa hệ thống tài chính. Vào năm 2020, Bộ Kinh tế đã thành lập Mesa Técnica de Finanzas Sostenibles (MTFS) như một diễn đàn thường trực để tăng cường tài chính bền vững ở Argentina và phát triển chiến lược tài chính bền vững quốc gia. Trong khuôn khổ MTFS, một tuyên bố chung đã được ký kết bởi các cơ quan quản lý ngành ngân hàng, bảo hiểm và thị trường vốn nhằm thúc đẩy tài chính bền vững và thúc đẩy việc phân tích các rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu.

5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Việt Nam có các kế hoạch giảm thiểu biến đổi khí hậu đầy tham vọng, chẳng hạn như nâng cao công suất sản xuất năng lượng tái tạo và giảm sự phụ thuộc vào than. Tuy nhiên, một số giao dịch tài chính bền vững đáng chú ý và các nỗ lực chuyển đổi xanh của đất nước đã đạt được tiến độ chậm do thiếu khung chính sách có lợi và hỗ trợ pháp lý.

Việt Nam cam kết ngừng phát triển các nhà máy điện than mới vào năm 2030, với mục tiêu than sẽ chỉ chiếm 20% cơ cấu năng lượng vào năm đó, theo kế hoạch chi tiết năng lượng quốc gia mới: Kế hoạch phát triển điện 8. Kế hoạch này cũng mục tiêu để các nguồn năng lượng tái tạo đóng góp tới 40% sản lượng điện vào năm 2030, tăng từ khoảng 12% vào năm 2022. Ngoài thủy điện, điều này bao gồm sự đóng góp đáng kể từ các nguồn phi thủy điện như gió, mặt trời và sinh khối.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Chinh (2011), *Chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế theo hướng nền kinh tế xanh ở Việt Nam*, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường.
2. Nguyễn Hoàng Oanh - Trương Thị Nam Thắng (2015), *Xu thế phát triển kinh tế xanh trong và sau khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Báo cáo định hướng tái cơ cấu kinh tế chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (Tài liệu phục vụ Hội nghị Chính phủ với Lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)*.
4. UNEP (2011). *Hướng tới nền kinh tế xanh - Lộ trình cho phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo*, Bản dịch của Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, Nhà xuất bản Nông nghiệp, tr.13.

Tuy nhiên, Việt Nam vẫn thiếu một hệ thống phân loại xanh hoặc chuyển đổi chính thức. Việc thiếu khung tài chính bền vững chính thức và các quy định pháp lý để tạo điều kiện cho tài chính xanh sẽ tiếp tục cản trở nỗ lực triển khai các dự án năng lượng tái tạo và giảm lượng khí thải các-bon cho nền kinh tế Việt Nam.

6. Kết luận

Việt Nam với tiềm năng, vị thế địa kinh tế trong chuỗi cung ứng toàn cầu đang đứng trước cơ hội rất lớn trong tăng trưởng xanh để có thể chuyển mình, bắt kịp, tiến cùng, vượt lên, đi tắt đón đầu và tạo đà cho một bước nhảy vọt về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm quốc tế, Việt Nam cần xác định rõ tăng trưởng xanh là giải pháp quan trọng để thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn. Tăng trưởng xanh phải lấy con người làm trung tâm, phải dựa vào thể chế và quản trị hiện đại, khoa học và công nghệ tiên tiến, nguồn nhân lực chất lượng cao, phải định hướng đầu tư vào công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, kết cấu hạ tầng thông minh và bền vững; tạo động lực để đầu tư tư nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng để chuyển đổi xanh. Việt Nam cũng đã xây dựng chiến lược cụ thể cho tăng trưởng xanh như định hướng phát triển đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, Chiến lược chỉ rõ, nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại và công nghiệp; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia ■

5. UNCTAD (2011). *World Investment Report 2011*.
6. Bùi Quang Tuấn (2011). *Khai thác và sử dụng năng lượng xanh ở Việt Nam*, Hội thảo khoa học quốc tế “Chiến lược tăng trưởng xanh của Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam”, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.
7. Lưu Trang (2017). *Chính sách triển khai và phát triển các đặc khu kinh tế xanh của Trung Quốc*. Tạp chí Môi trường, số 11.
8. Nguyễn Thị Thu Hà (2017). *Xây dựng và phát triển kinh tế xanh ở Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, số 15.
9. Phùng Thị Quỳnh Trang - Nguyễn Thị Thu Hà (2021). *Kinh nghiệm phát triển chính sách công nghiệp xanh ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Môi trường số 10/2021.